

STT.	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề				Chuẩn nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III THPT	Hạng II THCS	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Không đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	32	0	2	19	1	5	4	11	10	0	0	20		
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Tạp vụ	1					1								
10	Bảo vệ	1						1							
11	Nhân viên cấp dưỡng	4					1	3							

Đăk Mil, ngày . 08 tháng . 6 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Tân Đăng

Đắk Mil, ngày 9 tháng 6 năm 2021

THÔNG BÁO
Công khai thông tin Cơ sở vật chất
năm học 2021-2022

(Kèm theo TT số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	8	Số m²/học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	8	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	2	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Bình quân lớp/phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	30	
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	6915	32,9
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1568	7,4
VI	Tổng diện tích các phòng	730,2	3,4
1	Diện tích phòng học (m ²)	302,4	1,26
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	95,4	
3	Diện tích thư viện (m ²)	57,6	
4	Diện tích nhà đa năng (giáo dục, rèn luyện thể chất)	237,2	
5	Diện tích hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	37,6	
VII	Tổng thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	7	
1.1	Khối lớp 6	1	
1.2	Khối lớp 7	1	
1.3	Khối lớp 8	1	
1.4	Khối lớp 9	1	
1.5	Khối lớp 10	1	
1.6	Khối lớp 11	1	
1.7	Khối lớp 12	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
2.5	Khối lớp 10		
2.6	Khối lớp 11		
2.7	Khối lớp 12		
3	Bộ Thiết bị dạy học chương trình giáo dục STEM	1	

4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	30	1 hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	03	
2	Cát xét	02	
3	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	
4	Bộ TB dạy thông minh: Máy chiếu, bảng tương, máy tính...	01	
5	Máy tính xách tay	03+1	
6	Máy tính bảng	02	
	Máy tính để bàn, máy in	07	(07 bộ)
7	Máy Photocopy	01	
8	Máy Scan	01	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	105
XI	Nhà ăn	193.8

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh nội trú	28 ; 885.8	210	4.2

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho GV	Dùng cho HS		Số m ² /HS	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		2/2		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/03/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy định chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Nơi nhận:

- Toàn trường
- Bảng niêm yết
- Lưu : VT

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đặng Quốc Thịnh

SỐ: 4 /TB

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường PTDTNT THCS & THPT huyện Đắk Mil
năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			Ghi chú
		Lớp 6	Lớp 10	Bổ sung 7; 8; 9; 11; 12	
I	Điều kiện tuyển sinh	Hoàn thành chương trình bậc tiểu học.	Tốt nghiệp lớp 9 (THCS)	Hoàn thành và được lên lớp liền kề trước	tuyển bổ sung: 0 H/S
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Có điều chỉnh giảm tải theo HD Bộ)			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa nhà trường và gia đình. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, năng lực tự học của học sinh là chủ động, thầy/cô là chủ đạo. - Học sinh có ý thức tự giác học tập, tu dưỡng đạo đức, lễ phép văn minh trong ứng xử, chấp hành tốt luật pháp và tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, xã hội, thực hiện tốt nội quy trường, lớp, nội quy nội trú, yêu thương, tôn trọng các tập tục, bản sắc văn hóa các dân tộc.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục giới tính cho học sinh; tổ chức các hoạt động TĐTT; VH-VN, hoạt động tập thể vui tươi lành mạnh gắn với hỗ trợ học tập			



		cho học sinh; tham quan dã ngoại,.....
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Lên thẳng lớp đạt từ 98,5% trở lên. - Xếp loại hạnh kiểm loại tốt ít nhất: 85%; còn lại là loại khá. - Không có học sinh xếp loại TB hay yếu về hạnh kiểm. - Tốt nghiệp THCS: 100%. - Tốt nghiệp THPT đạt từ: 100%. - 100% học sinh đạt yêu cầu về rèn luyện thân thể, được mua bảo hiểm y tế, khám sức khỏe, tuyên truyền giáo dục pháp luật, giáo dục giới tính,....
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<p>Học sinh lớp 9 được vào lớp 10 các trường công lập trên địa bàn huyện hoặc trường PTDTNT Nữ trang long tỉnh. Tuyển truyền vận động số học sinh còn lại theo học tại các trường nghề, học nghề.</p> <p>Học sinh lớp 12 được vào các trường CĐ, ĐH. Tuyển truyền vận động số học sinh còn lại theo học tại các trường nghề, học nghề.</p>

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thạch Anh

